

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần
thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định thi hành Luật Đất đai.*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.*

*Xét Tờ trình số 6138/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án cần
thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

Tổng số 176 công trình, dự án; với tổng diện tích đất 1.237,78 ha, tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng (GPMB) là 14.346.062,2 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Đăng ký mới: Tổng số 70 công trình, dự án với quy mô diện tích 314,90 ha, tổng nhu cầu vốn để GPMB khoảng là 8.787.662,2 triệu đồng.

2. Chuyển tiếp: Tổng số 106 công trình, dự án với quy mô diện tích 922,88 ha, tổng nhu cầu vốn GPMB là 5.558.400 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp 3, thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./. *KV*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Bộ: TN&MT, KH&ĐT;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành tỉnh: TN&MT, KH&ĐT, Tài chính, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT - TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - TỪ 10 ha ĐẤT TRỒNG LÚA, 20 ha ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ TRỞ LÊN)**

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
TỔNG CỘNG: 09 công trình, dự án, diện tích cần thu hồi 362,75 ha, nhu cầu vốn GPMB: 1.231.800 triệu đồng (trong đó: chuyển tiếp 06 công trình, dự án với diện tích cần thu hồi: 207,18 ha, nhu cầu vốn GPMB: 757.000 triệu đồng; 03 công trình, dự án chuyển tiếp, điều chỉnh với diện tích cần thu hồi: 155,57ha, nhu cầu vốn GPMB: 474.800 triệu đồng)								
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN: 08 công trình, dự án	242,75	900.300,00					
A	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 06 công trình, dự án	207,18	757.000,00					
1	Cụm Công nghiệp Hòa Ân	50,00	125.000,00	NSNN	Xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	39,82 ha lúa
2	Đường nối Quốc lộ 60-Quốc lộ 54, huyện Tiểu Cần	14,30	57.800,00	NSNN	xã Hiếu Trung, Xã Phú Cần	UBND huyện Tiểu Cần	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	11,44 ha lúa
3	Cụm công nghiệp Long Sơn	40,00	50.000,00	NSNN	Xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	39 ha lúa
4	Cụm công nghiệp Tân Bình	25,00	62.500,00	NSNN	Xã Tân Bình	UBND huyện Càng Long	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	17 ha lúa
5	Hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh	45,30	135.900,00	NSNN	Phường 9	UBND TPTV	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	45,3 ha lúa
6	Cụm công nghiệp Sa Bình, thành phố Trà Vinh	32,58	325.800,00	NSNN	Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	UBND TPTV	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	29,41 ha lúa
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 02 công trình, dự án	35,57	143.300,00					
1	Khu tái định cư và nhà ở khu CN Cổ Chiên	16,27	70.500,00	NSNN	Xã Đại Phước	UBND huyện	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh STT 21, mục II, Phụ lục I Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh (điều chỉnh giảm diện tích thu hồi từ 28,2ha còn 16,27 ha theo Quyết định số 9692/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND huyện Càng Long về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (dự án sử dụng 15 ha lúa)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
2	Đường vành đai phía Đông thị trấn Tiểu Cần-xã Hiếu Từ	19,30	72.800,00	NSNN	Thị trấn Tiểu Cần, xã Hiếu Từ, xã Phú Cần		NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh STT 1, điểm A, mục VIII, Phụ lục I Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên dự án) theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 13/9/2021 của HĐND tỉnh
II	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LIÊN HUYỆN: 01 công trình, dự án chuyển tiếp, điều chỉnh)	120,00	331.500,00					
A	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án	120,00	331.500,00					
1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Cầu Quan	120,00	331.500,00	NSNN	thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần; xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè		NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh STT 11, mục II, Phụ lục I Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên dự án từ "Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cầu Quan" thành "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Cầu Quan" và bổ sung địa điểm xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè" cho phù hợp với hồ sơ UBND tỉnh trình Bộ KH&ĐT trình TTg xem xét Quyết định chủ trương đầu tư theo Công văn số 1028/BQLKKT-QLQHXD&TNMT ngày 10/11/2021 của BQLKKT (dự án sử dụng 24,27 ha lúa)

KW

H